

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy định về công khai năm học 2024- 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT- BGDDT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc hướng dẫn sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Thanh Phước xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công khai năm học 2024-2025 như sau:

1. Mục đích

Thực hiện công khai trong nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội, nhân dân, cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ chính xác các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định.

MỤC 1

CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC THANH PHƯỚC

2. Địa chỉ: Ấp Thanh Đông xã Thanh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

Số điện thoại: 0939560005 hoặc 0888560005

Địa chỉ thư điện tử: c1thanhphuoc@gionгриeng.edu.vu

Cổng thông tin điện tử:

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, an toàn, thân thiện, sáng tạo và chất lượng để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài

năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

Tầm nhìn: Duy trì trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường Chuẩn quốc gia mức độ 1. Tiến tới trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường Chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2030.

Mục tiêu: Thực hiện có hiệu quả chương trình GDPT 2018, tăng dần chất lượng dạy và học, đảm bảo duy trì ổn định chất lượng giáo dục trong nhà trường. Tiến tới mô hình thiết bị dạy học số.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Thạnh Phước trực thuộc UBND huyện. Trường TH Thạnh Phước được thành lập theo Quyết định số 163/UBND, ngày 14/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng trên cơ sở sáp nhập trên cơ sở sáp nhập trường Tiểu học Thạnh Phước 1 và trường Tiểu học Thạnh Phước 2. Từ khi được sáp nhập, nhà trường đã kế thừa và phát huy được những truyền thống quý báu của nhà trường đã đạt được. Trong suốt 5 năm qua thầy và trò trường Tiểu học Thạnh Phước đã nỗ lực phấn đấu vươn lên, dần khẳng định được vị thế của nhà trường như: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường Chuẩn quốc gia mức độ 1. Trong 5 năm qua trường được 03 lần UBND tỉnh tặng cờ thi đua 01 lần tặng bằng khen ghi có thánh tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Hiệu trưởng: Nguyễn Hoàng Anh
- Số điện thoại: 0939560005 hoặc 0888560005 (zalo)
- Gmail: anhnh@gionгриeng.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Trường TH Thạnh Phước được thành lập theo Quyết định số 163/UBND, ngày 14/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng

b) Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 13139/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 về việc kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học Thạnh Phước nhiệm kỳ 2024-2029

- Chủ tịch Hội đồng trường: Nguyễn Hoàng Anh – Hiệu trưởng
- Phó chủ tịch Hội đồng trường: Nguyễn Hoàng Anh – Phó Hiệu trưởng
- Thư ký Hội đồng trường: Nguyễn Hoàng Mỹ Nghi – Kế toán
- Các thành viên gồm: (1) Nguyễn Hoàng Em – CTCĐ; (2) Danh Bé Ảnh - TPT Đội; (3) Trần Tuấn Hiền - PCT UBND xã; (4) Lâm Thị Ngọc Tiềm – Tổ trưởng chuyên môn khối 1; (5) Võ Hồng Ngân – Tổ trưởng chuyên môn khối 2; (6) Phan Thị Ngọc Thành – Tổ trưởng chuyên môn khối 3; (7) Nguyễn Quốc Hoàng – Tổ trưởng chuyên môn khối 4; (8) Huỳnh Thanh Điền – Trưởng Ban ĐDCMHS.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Quyết định hiệu trưởng số 10193/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng.

- Quyết định phó hiệu trưởng số 1457/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng nhiệm vụ quyền hạn của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Thạnh Phước là trường công lập do UBND huyện Giồng Riềng thành lập và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo toàn bộ kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, thực hiện chương trình giáo dục Tiểu học do Bộ GDĐT ban hành. Tổ chức xây dựng và phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GDĐT và phát triển nhiệm vụ giáo dục địa phương. Thực hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng giáo dục, thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Anh.
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Điện thoại: 0939560005 hoặc 0888560005 (zalo)
- Địa chỉ thư điện tử: anhnh@giongrieng.edu.vn.
- Địa chỉ nơi làm việc: Ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường.
- Quy chế dân chủ cơ sở.
- Các nghị quyết của hội đồng trường.
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính (bảng phân công, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ).
- Kế hoạch, Thông báo tuyển sinh vào lớp 1.
- Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư)
- + Nguồn ngân sách nhà nước cấp năm 2024:
- + Các khoản thu chi từ người học năm học 2024-2025

TT	Nội dung thu	Mức thu theo NQ 23 HĐND tỉnh (đồng)	Dự kiến thu được	Dự kiến chi	Tồn
1	Giấy kiểm tra, ôn tập...	48.000đ/năm	20.000.000	20.000.000	
2	Học báo, túi hồ sơ (lớp 1)	20.000đ/năm	1.500.000	1.500.000	
3	Vệ sinh	60.000đ/năm	24.000.000	24.000.000	
4	Khám sức khỏe	20.000/năm	8.000.000	8.000.000	
5	Ghế ngồi (lớp 1)	30.000/HS	2.000.000	2.000.000	

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: Không có
- Nguồn thu khác và loại hoạt động: Không có.

b) Các khoản chi phân theo:

- Chi lương và thu nhập:
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ:
- Chi hỗ trợ người học:
- Chi khác:

2) Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

- Học phí: Không có
- Lệ phí: Không có.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học

Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, khuyết tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù.

Không có

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc hướng dẫn sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo quy định tại Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018.

MỤC 2

CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

I. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Trình độ chính trị		
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn			
							Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp
Hiệu trưởng	1	0	0	1				1	
Phó Hiệu trưởng	1	0	0	1				1	
Giáo viên	29	11	4	28		1		3	19
Nhân viên	2	1	0	2					
Cộng	33	12	4	32				5	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

Đạt chuẩn 33/33 đạt 100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Hoàn thành 33/33 đạt 100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích nhà trường là: 5.105m²; diện tích xây dựng 1.342,8 m² bình quân 10,61m².

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Khối phòng học, phòng bộ môn và khối phòng phục vụ học tập	Số lượng
I. Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	18
1. Phòng học	16

+ Phòng học kiên cố	13
+ Phòng học bán kiên cố	3
+ Phòng tạm	0
2. Phòng học bộ môn	1
+ Phòng kiên cố	1
+ Phòng bán kiên cố	0
+ Phòng tạm	0
3. Khối phòng phục vụ học tập	1
+ Phòng kiên cố	2
+ Phòng bán kiên cố	0
+ Phòng tạm	0
II. Khối phòng hành chính – quản trị	7
+ Phòng kiên cố	7
+ Phòng bán kiên cố	0
+ Phòng tạm	0
III. Thư viện	1
Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	
Cộng	26

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Đạt cấp độ 2

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2 và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1

II. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

- a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;
- b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;
- d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

- a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường.
- b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;
- c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm

MỤC 3

CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

I. CÁCH THỨC CÔNG KHAI

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường:

- a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục của nhà trường thực hiện vào tháng 6 hằng năm;
- b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của nhà trường tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại phụ lục I của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.
- c) Việc bố trí nội dung công khai trên cổng thông tin điện tử do nhà trường quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

2. Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu khóa học, năm học mới:

Nhà trường thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;

3. Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN CÔNG KHAI

1. Thời điểm công khai của nhà trường:

a) Công bố công khai các nội dung công khai trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức.

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

3. Thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên

MỤC IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.

2. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công khai trong việc thực hiện tổng kết, đánh giá công tác năm học và phương hướng, nhiệm vụ năm học tiếp theo.

3. Báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT (để báo cáo);
- Tất cả GV, NV;
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Anh

